

Số: 04-TB/HĐBT,HT&TĐC

Phù Liễn, ngày 20 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An (đợt 2)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND của UBND phường Phù Liễn về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ kết quả đo đạc, kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất,

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn thông báo:

1. Nội dung niêm yết công khai

Niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 82 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn các tổ dân phố: Đẩu Vũ, Đẩu Phượng 1, Đẩu Phượng 2; Đẩu Sơn 2, Kha Lâm 2, Kha Lâm 6 có đất nông nghiệp bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An.

Nội dung dự thảo phương án bao gồm:

- Diện tích đất thu hồi của từng hộ gia đình, cá nhân;
- Mức bồi thường về đất, cây cối, hoa màu;
- Các khoản hỗ trợ theo quy định
- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

(Có bảng tổng hợp kèm theo).

2. Địa điểm niêm yết

- Trụ sở UBND phường Phù Liễn;
- Nhà văn hóa các tổ dân phố: Đầu Vũ, Đầu Phụng 1, Đầu Phụng 2; Đầu Sơn 2, Kha Lâm 2, Kha Lâm 6.

3. Thời gian niêm yết

Thời gian niêm yết công khai: **10 ngày**, kể từ ngày **20 tháng 3 năm 2026** đến hết ngày **30 tháng 3 năm 2026**.

4. Tiếp nhận ý kiến của người dân

Trong thời gian niêm yết công khai, đề nghị các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi:

- Nghiên cứu nội dung dự thảo phương án;
- Trường hợp có ý kiến, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản hoặc phản ánh trực tiếp đến Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn để được xem xét, tổng hợp, điều chỉnh theo quy định.

Hết thời hạn niêm yết công khai nêu trên, nếu các hộ dân không có ý kiến hoặc ý kiến sẽ được giải quyết theo quy định, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn sẽ hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Trường hợp chưa hết thời hạn niêm yết nêu trên, nếu các hộ đồng ý dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và đề nghị được chi trả tiền thì sẽ được xem xét phê duyệt phương án và chi trả sớm trước thời hạn.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn trân trọng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Phù Liễn;
- Công thông tin điện tử phường Phù Liễn;
- Phòng KT,HT&ĐT phường;
- Trung tâm Dịch vụ SNC phường;
- Các TDP: Đầu Vũ, Đầu Phụng 1, Đầu Phụng 2; Đầu Sơn 2, Kha Lâm 2, Kha Lâm 6;
- Lưu: HDBTTr&TĐC.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

**PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Trần Thị Hương**

PH
IAN Q
JÁN
XÂY
PH
PH
B. N.

UBND PHƯỜNG PHÙ LIỄN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG - HỒ TRỢ - TÀI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU KIỆN HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN BÀN QUẬN KIẾN AN (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số 04/TB-HĐBT&HT ngày 20/03/2026 của Hội đồng bồi thường, hồ trợ và tài định cư phường Phù Liên)

Số TT	Họ và tên	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường cây cối hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng kinh phí BT, HT của các hộ gia đình, cá nhân được nhận (đồng)	
1	TỔ DÂN PHỒ ĐẦU VŨ	2	3	4	5	6	7 = 4+5+6
1	Đào Thị Kiên - Người đại diện thừa kế	107,70	14.001.000	1.077.000	76.005.300	91.083.300	
2	Nguyễn Thị Gái - Người đại diện thừa kế	395,30	51.389.000	3.953.000	283.161.700	338.503.700	
3	Vũ Thị Gông - Người đại diện thừa kế	8,70	1.131.000	87.000	11.394.300	12.612.300	
4	Đào Thị Vóc (Đào Thị Bích)	259,80	33.774.000	2.598.000	193.402.200	229.774.200	
5	Đào Thị phương (độc thân)	579,90	75.387.000	5.799.000	403.151.100	484.337.100	
6	Bùi Thị Mỹ đại diện (chồng là Vũ Văn Hồng đã chết)	289,50	37.635.000	2.895.000	204.865.500	245.395.500	
7	Nguyễn Đức Chiến và bà Đặng Thị Mỹ	149,80	19.474.000	1.498.000	110.412.200	131.384.200	
8	Đào Phú Ánh đại diện	250,60	32.578.000	2.506.000	179.863.400	214.947.400	
9	Nguyễn Đức Lương - Người đại diện thừa kế	259,10	33.683.000	2.591.000	180.319.900	216.593.900	
10	Vũ Thị Linh -Người đại diện thừa kế	8,80	1.144.000	88.000	16.863.200	18.095.200	
11	Nguyễn Thị Hoa (độc thân)	392,20	50.986.000	3.922.000	284.625.800	339.533.800	
12	Nguyễn Đức Phái	733,60	95.368.000	7.336.000	516.250.400	618.954.400	
13	Nguyễn Đức Tuấn và bà Bùi Thị Bẩy	734,60	95.498.000	7.346.000	556.539.400	659.383.400	
14	Nguyễn Đức Lương và bà Đào Thị Ngọc	3,80	494.000	38.000	9.818.200	10.350.200	
15	Trần Thị Huệ, Trần Đình San	0,20	26.000	2.000	1.937.800	1.965.800	
16	Trần Thành Bình - Người đại diện	32,40	4.212.000	324.000	27.723.600	32.259.600	
17	Vũ Thị Vân	815,50	106.015.000	8.155.000	570.879.500	685.049.500	
18	Đào Thị Kiên người đại diện thừa kế	481,50	62.595.000	4.815.000	346.153.500	413.563.500	

	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU PHƯƠNG 1								
19	Vũ Thị Kim Hằng - Người đại diện thừa kế	398,50	51.805.000	3.985.000	276.366.500	332.156.500			
20	Đào Phú Nhân đại diện người thừa kế	313,70	40.781.000	3.137.000	225.139.300	269.057.300			
21	Nguyễn Hữu Thi	3,00	390.000	30.000	5.667.000	6.087.000			
22	Vũ Đức Hồng	398,00	51.740.000	3.980.000	288.622.000	344.342.000			
23	Vũ Đức Thành -Người đại diện thừa kế	404,70	52.611.000	4.047.000	300.438.300	357.096.300			
	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU PHƯƠNG 2								
24	Vũ Đức Đoàn, vợ là bà Trần Thị Tân	13,10	1.703.000	131.000	18.025.900	19.859.900			
25	Lương Đức Thắng - Người đại diện	407,90	53.027.000	4.079.000	295.443.100	352.549.100			
26	Hoàng Hữu Tiến vợ là Vũ Thị Thuần	9,90	1.287.000	99.000	14.021.100	15.407.100			
27	Vũ Đức Vinh người đại diện thừa kế	542,40	70.512.000	5.424.000	388.113.600	464.049.600			
28	Hoàng Hữu Hồng	10,70	1.391.000	107.000	12.772.300	14.270.300			
29	Vũ Thị Nguyệt	39,70	5.161.000	397.000	32.753.300	38.311.300			
	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU SƠN 2								
30	Lê Thị Châm chồng Nguyễn Đình Tiến	587,90	76.427.000	5.879.000	412.263.100	494.569.100			
31	Ngô Thị Thuật người đại diện thừa kế	93,80	12.194.000	938.000	68.228.200	81.360.200			
	TỔ DÂN PHỐ KHÁ LÂM 2								
32	Phạm Thị Dần	487,70	63.401.000	4.877.000	357.625.300	425.903.300			
33	Phạm Thị Bé	1.522,00	197.860.000	15.220.000	1.055.858.000	1.268.938.000			
34	Nguyễn Trọng Phiên (đại diện hàng thừa	699,60	90.948.000	6.996.000	500.024.400	597.968.400			
35	Nguyễn Văn Ca	250,50	32.565.000	2.505.000	177.994.500	213.064.500			
36	Phạm Thị Thu (đại diện hàng thừa kế)	181,80	23.634.000	1.818.000	130.660.200	156.112.200			
37	Phạm Thị Đều chồng Phạm Văn Kỳ	202,50	26.325.000	2.025.000	148.522.500	176.872.500			
38	Phạm Thanh Bình (Nguyễn Thị Chắp)	323,40	42.042.000	3.234.000	224.622.600	269.898.600			
39	Nguyễn Thị Na	157,40	20.462.000	1.574.000	113.848.600	135.884.600			
40	Phạm Văn Dân	1.293,90	168.207.000	12.939.000	920.297.100	1.101.443.100			
41	Phạm Văn Thắng	64,60	8.398.000	646.000	48.109.400	57.153.400			
42	Phạm Văn Chiến	105,20	13.676.000	1.052.000	81.482.800	96.210.800			
43	Phạm Xuân Ngợi vợ Phạm Thị Lanh	164,30	21.359.000	1.643.000	115.002.700	138.004.700			
44	Nguyễn Văn Biên	492,80	64.064.000	4.928.000	343.139.200	412.131.200			
45	Phạm Thị Thị chồng Nguyễn Văn Hải	914,50	118.885.000	9.145.000	648.090.500	776.120.500			
46	Nguyễn Văn Tiếp vợ Trần Thị Minh	445,60	57.928.000	4.456.000	310.618.400	373.002.400			
47	Nguyễn Văn Ích	132,90	17.277.000	1.329.000	96.968.100	115.574.100			
48	Nguyễn Văn Càng	360,30	46.839.000	3.603.000	253.646.700	304.088.700			
49	Phạm Văn An (đại diện hàng thừa kế)	2.790,60	362.778.000	27.906.000	1.929.923.400	2.320.607.400			

50	Phạm Thị Gấm	886,50	115.245.000	8.865.000	632.398.500	756.508.500
51	Phạm Văn Lại (đại diện hàng thừa kế)	244,00	31.720.000	2.440.000	175.316.000	209.476.000
52	Phạm Thị Băng	157,70	20.501.000	1.577.000	110.455.300	132.533.300
53	Phạm Thị Vân	242,70	31.551.000	2.427.000	178.020.300	211.998.300
54	Đặng Quang Sori	527,20	68.536.000	5.272.000	370.440.800	444.248.800
55	Nguyễn Thị Bón chồng Phạm Hữu Mão	396,60	51.558.000	3.966.000	284.057.400	339.581.400
56	Nguyễn Văn Hơi	278,40	36.192.000	2.784.000	199.017.600	237.993.600
57	Phạm Văn Đăng	362,80	47.164.000	3.628.000	253.569.200	304.361.200
58	Phạm Văn Thăng	8,80	1.144.000	88.000	11.463.200	12.695.200
59	Phạm Văn Hải	462,20	60.086.000	4.622.000	323.855.800	388.563.800
	TỔ DÂN PHỐ KHÁ LÂM 6					
60	Phạm Văn Vang	574,90	74.737.000	5.749.000	405.106.100	485.592.100
61	Nguyễn Thị Nguyễn	215,30	27.989.000	2.153.000	153.741.700	183.883.700
62	Phạm Văn Biệt	130,20	16.926.000	1.302.000	93.307.800	111.535.800
63	Hàng Cao Hải (đại diện hàng thừa kế)	442,70	57.551.000	4.427.000	323.020.300	384.998.300
64	Phạm Văn Đễ	136,30	17.719.000	1.363.000	102.910.700	121.992.700
65	Phạm Thị Phương	46,60	6.058.000	466.000	42.907.400	49.431.400
66	Phạm Văn Khôi	783,80	101.894.000	7.838.000	554.438.200	664.170.200
67	Phạm Văn Thái	48,70	6.331.000	487.000	40.754.300	47.572.300
68	Nguyễn Văn Ngai (đại diện hàng thừa kế)	543,00	70.590.000	5.430.000	410.127.000	486.147.000
69	Vũ Văn Việt vợ Nguyễn Thị Thảo	519,50	67.535.000	5.195.000	383.135.500	455.865.500
70	Nguyễn Thị Lê	324,70	42.211.000	3.247.000	227.318.300	272.776.300
71	Nguyễn Văn Canh (đại diện hàng thừa kế)	10,40	1.352.000	104.000	12.565.600	14.021.600
72	Phạm Văn Âm	76,80	9.984.000	768.000	60.115.200	70.867.200
73	Phạm Thị Min chồng Phạm Văn Tuất	1.273,00	165.490.000	12.730.000	920.297.000	1.098.517.000
74	Vũ Văn Thắng	355,40	46.202.000	3.554.000	252.070.600	301.826.600
75	Phạm Văn Vệt vợ Phạm Thị Dẫn	83,70	10.881.000	837.000	64.869.300	76.587.300
76	Nguyễn Văn Tim	149,30	19.409.000	1.493.000	110.067.700	130.969.700
77	Nguyễn Thị Chanh chồng Nguyễn Văn	631,70	82.121.000	6.317.000	449.641.300	538.079.300
78	Đỗ Thị Nhã chồng Vũ Văn Tĩnh	607,60	78.988.000	6.076.000	443.836.400	528.900.400
79	Phạm Văn Dinh	43,30	5.629.000	433.000	33.433.700	39.495.700
80	Phạm Hùng Văn vợ Vũ Thị Thanh	582,80	75.764.000	5.828.000	430.349.200	511.941.200
81	Vũ Thị Liên (đại diện hàng thừa kế)	267,30	34.749.000	2.673.000	198.569.700	235.991.700
82	Đỗ Doãn Nghệ	835,20	108.576.000	8.352.000	593.452.800	710.380.800
	Tổng	31.565,00	4.103.450.000	315.650.000	22.612.285.000	27.031.385.000